**PHỤ LỤC VIII**

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG**

**SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC KINH TẾ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND*

*ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| **STT** | **Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước** |
| --- | --- |
| **I** | **Hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn.** |
| **1** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy sản** |
|  | Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy sản |
|  | Thông tin, thống kê, dự báo và ứng dụng công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực thủy sản |
|  | Hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản xuất nhập khẩu |
| **2** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực lâm nghiệp** |
|  | Bảo vệ và phát triển rừng |
|  | Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng |
|  | Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực lâm nghiệp |
|  | Thống kê, kiểm kê thuộc lĩnh vực lâm nghiệp |
|  | Bảo tàng, bảo quản mẫu thuộc lĩnh vực lâm nghiệp |
| **3** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi** |
|  | Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp |
|  | Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông |
|  | Thống kê, thông tin thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai |
|  | Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai |
|  | Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn. |
|  | Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, nâng cấp các công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai nước sạch nông thôn. |
|  | Thu thập số liệu, phân tích để dự báo, cảnh báo về rủi ro thiên tai |
|  | Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. |
|  | Công tác theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch nông thôn, kiểm tra, đánh giá chất lượng nước và công trình cấp nước. |
| **4** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực trồng trọt** |
|  | Điều tra, quy hoạch lĩnh vực trồng trọt |
|  | Thống kê thuộc lĩnh vực trồng trọt |
|  | Thu thập, bảo quản mẫu chuẩn giống trồng trọt |
| **5** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực chăn nuôi** |
|  | Điều tra, quy hoạch lĩnh vực chăn nuôi |
|  | Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi |
|  | Đánh giá, giám sát chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và chế phẩm sinh học xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi |
|  | Thống kê, thông tin thuộc lĩnh vực chăn nuôi |
| **6** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật** |
|  | Điều tra lĩnh vực bảo vệ thực vật |
|  | Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định thuốc bảo vệ thực vật |
|  | Phân tích nguy cơ dịch hại đối với thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu |
|  | Giám định sinh vật gây hại lạ, sinh vật là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam |
|  | Kiểm định các chỉ tiêu an toàn thực phẩm nguồn gốc thực vật nhập khẩu |
|  | Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất |
|  | Đánh giá dịch bệnh, sâu bệnh |
|  | Thống kê thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật |
| **7** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực thú y.** |
|  | Điều tra lĩnh vực thú y. |
|  | Chẩn đoán thú y, thẩm định an toàn dịch bệnh. |
|  | Thống kê thuộc lĩnh vực thú y. |
|  | Đánh giá an toàn dịch bệnh. |
| **8** | **Hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng.** |
|  | Điều tra lĩnh vực quản lý chất lượng. |
| **9** | **Hoạt động sự nghiệp khác.** |
|  | Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền; bồi dưỡng, tập huấn; đào tạo, xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn và dự án. |
|  | Hoạt động xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản. |
|  | Điều tra, quy hoạch các lĩnh vực phát triển nông thôn và chế biến. |
|  | Hoạt động nước sạch nông thôn: Thông tin, tuyên truyền, tập huấn, đào tạo, dự án. |
| **10** | **Dịch vụ khác** |
|  | Lưu trữ nguồn gen cây nông lâm nghiệp, nuôi giữ duy trì nguồn giống gốc đầu dòng, ông bà cụ kỵ đến hạt nhân và nhân gốc từ Trung ương cấp cho địa phương |
|  | Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất thử nghiệm, khảo nghiệm, kiểm nghiệm và khu vực hóa các giống mới, phục tráng, gia hóa đối với thủy sản những giống có đặt tính tốt, nghiêm cứu quy trình sản xuất, bảo quản giống. |
|  | Cung cấp các loại giống cây trồng, vật nuôi chủ lực thực hiện các Chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh |
|  | Hoạt động quản lý, khai thác và vận hành các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
|  | Hoạt động quản lý, khai thác và vận hành các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| **II** | **Hoạt động kinh tế giao thông vận tải** |
| 1 | Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (trong trường hợp dịch vụ này có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá được cấp có thẩm quyền ban hành để làm cơ sở đặt hàng cho doanh nghiệp thực hiện), |
| 1.1 | Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình đường bộ. |
| 1.2 | Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ: Gồm các hạng mục công việc theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và quy trình bảo trì. |
| 1.3 | Sửa chữa công trình đường bộ, bao gồm: |
| - | Sửa chữa định kỳ: Sửa chữa hư hỏng, thay thế bộ phận công trình, thiết kế công trình được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì công trình đường bộ nhằm khôi phục, cải thiện tình trạng kỹ thuật của công trình đường bộ mà bảo dưỡng thường xuyên công trình không đáp ứng được. |
| - | Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất như mưa bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy nổ hoặc những tác động thiên tai đột xuất khác hoặc khi có biểu hiện có thể gây hư hỏng đột biến ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, khai thác công trình hoặc có khả năng xảy ra sự cố dẫn tới thảm hoạ. |
| 2 | Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. |
| **III** | **Hoạt động kinh tế tài nguyên môi trường** |
| **1** | **Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai** |
| - | Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp vùng; |
| - | Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất; |
| - | Điều tra, đánh giá đất đai của cả nước, các vùng. |
| **-** | Lập phương án sử dụng đất đối với khu đất được UBND tỉnh thu hồi bàn giao về địa phương quản lý. |
| **-** | Thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. |
| **-** | Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, kế hoạch đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện. |
| **-** | Kiểm đếm, thống kê, lập, thẩm định phương án bồi thường. |
| **-** | Đo đạc, cắm mốc, chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất, lập thủ tục đất đai phục vụ công tác bồi thường, quản lý đất đai ở địa phương. |
| **2** | **Dịch vụ lĩnh vực đo đạc và bản đồ và viễn thám.** |
| - | Thiết lập hệ quy chiếu quốc gia và hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia; |
| - | Thành lập và hiện chỉnh hệ thống bản đồ địa hình quốc gia; |
| - | Lập bản đồ hành chính toàn quốc, cấp tỉnh; |
| - | Đo đạc, thành lập, cập nhật bản đồ và hồ sơ địa giới hành chính phục vụ việc phân định, chia tách, sáp nhập, điều chỉnh địa giới hành chính; |
| - | Giám sát tài nguyên môi trường, thiên tai bằng công nghệ viễn thám. |
| **3** | **Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản.** |
| - | Khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ, lẻ; khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Trung ương; |
| - | Điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; |
| - | Bảo tàng địa chất khoáng sản. |
| **4** | **Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước** |
| - | Quy hoạch tài nguyên nước chung của cả nước và theo lưu vực sông và nguồn nước liên tỉnh; |
| - | Điều tra, đánh giá tài nguyên nước, điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước liên quốc gia, nguồn nước liên tỉnh; lập quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông liên tỉnh; |
| - | Quan trắc, giám sát tài nguyên nước quốc gia. |
| **5** | **Dịch vụ lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu.** |
| - | Điều tra, khảo sát, quan trắc, giám sát tác động và dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn. |
| - | Giám sát biến đổi khí hậu: Đánh giá khí hậu quốc gia; đánh giá tác động của biến đổi khí hậu. |
| - | Thực hiện xây dựng hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính quốc gia. |
| **6** | **Dịch vụ Môi trường.** |
| - | Quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường quốc gia và liên tỉnh có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học; |
| - | Quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia; |
| - | Quan trắc môi trường quốc gia; thống kê môi trường quốc gia; lập báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia. |
| - | Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học |
| - | Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước; |
| - | Quan trắc về đa dạng sinh học quốc gia; |
| - | Xây dựng danh mục, chương trình bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Biên soạn sách Đỏ Việt Nam. |
| **-** | Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh công cộng |
| **-** | Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, bao gói thuốc bảo vệ thực vật, y tế công lập, trường học, các cơ sở giam giữ của Nhà nước. |
| **IV** | **Hoạt động kinh tế công thương.** |
| **1** | **Dịch vụ lĩnh vực về khuyến công.** |
| - | Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. |
| - | Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. |
| - | Hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước. |
| - | Hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh. |
| - | Hỗ trợ trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn |
| - | Hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn |
| - | Hỗ trợ hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp và hiệp hội ngành nghề. |
| - | Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. |
| - | Hỗ trợ cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp |
| - | Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp. |
| **2** | **Lĩnh vực xúc tiến thương mại** |
| - | Tổ chức hội chợ, triển lãm |
| - | Tham gia hội chợ, triển lãm |
| - | Tổ chức phiên chợ |
| - | Tổ chức Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn |
| - | Đào tạo, tập huấn ngắn hạn |
| - | Tuyên truyền, quảng bá |
| - | Hỗ trợ “Điểm bán hàng Việt cố định” , “Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP” |
| - | Tổ chức, tham gia hội nghị kết nối giao thương |
| - | Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm của tỉnh |
| - | Tổ chức đoàn giao dịch thương mại trong và ngoài nước. |
| **3** | **Dịch vụ lĩnh vực thương mại điện tử** |
| - | Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về hoạt động thương mại điện tử trên các phương tiện thông tin đại chúng; |
| - | Tổ chức lớp đào tạo tập huấn, hội nghị, hội thảo, diễn đàn về các hoạt động thương mại điện tử |
| - | Duy trì, phát triển các hạ tầng thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| - | Phát triển sản phẩm, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các ứng dụng thương mại điện tử. |
| - | Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu hàng Việt Nam; Quảng bá thương hiệu, sản phẩm hàng hóa, cung cấp các thông tin có liên quan đến hoạt động thương mại điện tử theo quy định của pháp luật. |
| **4** | **Dịch vụ lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả** |
| - | Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. |
| - | Hỗ trợ kỹ thuật, thúc đẩy các dự án đầu tư về sử dụng năng lượng tiết kiệm điện và hiệu quả đối với các hoạt động sản xuất, cải tạo, chuyển đổi thị trường phương tiện, trang thiết bị, máy móc, dây chuyển sản xuất. |
| **V** | **Hoạt động kinh tế xây dựng** |
| 1 | Dịch vụ lập các đồ án quy hoạch và các nội dung kháccó liên quan đến quy hoạch theo phân cấp không thuộc phạm vi hệ thống quy hoạch quốc gia theo Luật quy hoạch trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 2 | Dịch vụ nghiên cứu thiết kế điển hình, thiết kế mẫu và các nội dung khác có liên quan đến kiến trúc trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 3 | Dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, đo đạc, thành lập bản đồ chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum |
| 4 | Dịch vụ xây dựng, thu thập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng, phát triển cổng thông tin điện của tỉnh Kon Tum. |
| 5 | Dịch vụ điều tra thống kê: Đơn giá xây dựng; thông báo giá vật liệu xây dựng, giá nhân công, giá ca máy, thuê máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng. |
| 6 | Lập phương án tổng mặt bằng các lô đất, khu đất. |
| 7 | Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc xây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay. |
| 8 | Dịch vụ chiếu sáng đô thị. |